

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B V
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 240 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2024

V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Chiểu; Ông Trương Văn Kế

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện B V, thành phố Hà Nội*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tham gia phiên tòa: Ông Phùng
Văn Chung - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Ngọc H, sinh năm 1993

*** Bị đơn:** Anh Chu Văn S, sinh năm 1989

HKTT đều: Thôn Đ B, xã Đ Th, huyện B V, thành phố Hà Nội

(Chị H, anh S có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị Phan Ngọc H trình bày: Chị Phan Ngọc H có kết hôn hợp pháp với anh Chu Văn S tại Ủy ban nhân dân xã Đ Th ngày 23/11/2011 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được

06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không có hạnh phúc thường xuyên cãi vã. Năm 2020 vợ chồng có mâu thuẫn chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện B V sau đó chị có rút đơn về đoàn tụ nhưng thời gian đó đến nay cuộc sống vợ chồng không cải thiện được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Chu Văn S.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải của anh Chu Văn S trình bày: Anh và chị Phan Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký ngày 23/11/2011 kết hôn tại UBND xã Đ Th, huyện B V, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc không có mâu thuẫn, anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, chị H xin ly hôn anh S không đồng ý.

- Về con chung anh chị thừa nhận : Có 03 con chung là: cháu Chu Quý H, sinh ngày 30/8/2012, cháu Chu Thị Thu H, sinh ngày 10/01/2014, cháu Chu Minh Q, sinh ngày 25/11/2018. Quan điểm của chị H và anh S vợ chồng ly hôn thì giao cho anh Chu Văn S được nuôi dưỡng 03 cháu và không yêu cầu cấp dưỡng chị H nuôi con chung.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng: không có.

Công nợ: không có.

Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2024, đại diện UBND xã Đ Th cho biết:

Chị Phan Ngọc H và anh Chu Văn S là công dân trên địa bàn xã Đ Th, sau khi kết hôn anh chị sống tại xã Đ Th, huyện B V. Trong thời gian chung sống chị H, anh S có 03 con chung cháu Chu Quý H, sinh ngày 30/8/2012, cháu Chu Thị Thu H, sinh ngày 10/01/2014, cháu Chu Minh Q, sinh ngày 25/11/2018. Qua dư luận quần chúng nhân dân được biết giữa chị H và anh S có mâu thuẫn, tuy nhiên anh chị mâu thuẫn không yêu cầu chính quyền địa phương và các ban ngành hòa giải. Về việc chị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh S, quan điểm của chính quyền địa phương: Đây là việc riêng của anh chị thuộc

thẩm quyền giải quyết của tòa án nên địa phương không có ý kiến gì. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích cho các bên.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phan Ngọc H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Con chung: Chị H đồng ý giao 3 cháu cho anh S nuôi và mỗi tháng chị trợ cấp nuôi con chung cho anh S nuôi 3 cháu là 4.500.000đ/ tháng (mỗi cháu là 1.500.000đ). Tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết. Tài sản riêng: không có. Công nợ: không có. Quan điểm của anh Chu Văn S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nguyện vọng xin được đoàn tụ. Về con chung: Nếu vợ chồng phải ly hôn anh S đồng ý nuôi 3 cháu và tiền chị H trợ cấp nuôi con. Tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết. Tài sản riêng: không có. Công nợ: không có.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V tại phiên tòa: Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Ngọc H. Cho chị Phan Ngọc H được ly hôn anh Chu Văn S. Về con chung: Giao cho anh Chu Văn S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu: Chu Quý H, sinh ngày 30/8/2012, cháu Chu Thị Thu H, sinh ngày 10/01/2014, cháu Chu Minh Q, sinh ngày 25/11/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S nuôi 3 cháu là 4.500.000đ/ tháng (mỗi cháu là 1.500.000đ), kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết. Tài sản riêng: không có. Công nợ: không có. Án phí: Chị Phan Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Phan Ngọc H khởi kiện xin ly hôn anh Chu Văn S có hộ khẩu thường trú: Thôn Đ B, xã Đ Th, huyện B V, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện B V thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Phan Ngọc H và anh Chu Văn S là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2011 tại UBND xã Đ Th, huyện B V, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Trong thời gian chung sống giữa chị H và anh S có mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không hợp tính cách, vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi nhau, xô xát và xúc phạm nhau, khiến cuộc sống chung luôn căng thẳng, bế tắc. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn anh S. Anh Chu Văn S có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên trong thời gian chung sống anh S không có biện pháp để khắc phục tình cảm vợ chồng, năm 2020 chị H đã làm đơn xin ly hôn sau đó chị rút đơn về để đoàn tụ nhưng anh S không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh S là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh S đều xác định có 03 con chung là: Cháu Chu Quý Hưng, sinh ngày 30/8/2012, cháu Chu Thị Thu H, sinh ngày 10/01/2014, cháu Chu Minh Q, sinh ngày 25/11/2018. Chị H đồng ý để anh S nuôi dưỡng các cháu, anh S có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 cháu. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh S nên giao 03 con chung là cháu: Chu Quý H, cháu Chu Thị Thu H, cháu Chu Minh Q cho anh Chu Văn S được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà chị Phan Ngọc H và anh Chu Văn S tự thoả thuận: Chị H tự nguyện trợ cấp cho anh S nuôi 3 cháu Chu Quý Hưng, cháu Chu Thị Thu H, cháu Chu Minh Q số tiền 4.500.000đ/ tháng (mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng), kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Phan Ngọc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: không có

Về công nợ: không có

[5] Về án phí: Chị Phan Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1/ Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Ngọc H đối với anh Chu Văn S.

Cho chị Phan Ngọc H được ly hôn anh Chu Văn S.

2/ *Về con chung:* Có 03 con chung là: Cháu Chu Quý H, sinh ngày 30/8/2012, cháu Chu Thị Thu H, sinh ngày 10/01/2014, cháu Chu Minh Q, sinh ngày 25/11/2018. Giao cho anh Chu Văn S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 cháu Chu Quý H, cháu Chu Thị Thu H, cháu Chu Minh Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Phan Ngọc H phải trợ cấp cho anh Chu Văn S nuôi 3 cháu Chu Quý H, cháu Chu Thị Thu H, cháu Chu Minh Q số tiền 4.500.000đ/ tháng (mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng), kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Chị Phan Ngọc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ *Về tài sản chung:* Chị H và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: không có

Về công nợ: không có

4/ *Về án phí*: Chị Phan Ngọc H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B V theo biên lai số 0014135 ngày 10/5/2024.

5/ *Quyền kháng cáo*: Chị Phan Ngọc H và anh Chu Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện B V
- UBND xã Đ Th
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thu Hường